

DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE

Phiên bản 2.0

Ngày chỉnh sửa 18.05.2016

Số hồ sơ 130000124577

SDS này triệt để tuân theo các tiêu chuẩn và các yêu cầu về quản lý của Việt Nam và có thể không đáp ứng các yêu cầu quản lý ở các quốc gia khác.

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT/CHẤT PHA CHẾ VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY/CÔNG VIỆC

Tên sản phẩm : DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE

Các tên khác : B13157422
DPX-TAH88 330 g/L SE
DPX-TAH88 SE

Khuyến cáo sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng

Cách sử dụng đề xuất : Thuốc diệt nấm
Hạn chế sử dụng : Không sử dụng sản phẩm cho bất cứ điều gì ngoài việc sử dụng quy định ở trên.

Nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, nhà cung cấp

Công ty : Công ty TNHH DuPont Việt Nam
Địa chỉ đường phố : 12 Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Điện thoại : (84 8) 3824 3192 / (84 8) 3824 3193
Telefax : (84 8) 3824 3191

Điện thoại khẩn cấp : +(84-8) 3823 8835

2. NHẬN DẠNG CÁC NGUY CƠ**Phân loại nguy hiểm sản phẩm theo GHS**

Các chất lỏng dễ cháy : Nhóm 4
Tính độc cấp (Đường miệng) : Nhóm 5
Nhạy cảm với da : Nhóm 1
Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phổi nhiễm nhiều lần : Nhóm 2 (Mắt, Hệ hô hấp)
Độc tính thủy sinh cấp : Nhóm 1
Độc tính thủy sinh lâu dài : Nhóm 1

Không trình bày thành phẩm không phân loại, không thể xếp loại được hoặc không áp dụng được.

Nội dung nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo : Cảnh báo

DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE

Phiên bản 2.0

Ngày chỉnh sửa 18.05.2016

Số hồ sơ 130000124577

- Cảnh báo nguy cơ** : Chất lỏng dễ cháy.
 Có thể có hại nếu nuốt phải.
 Có thể gây phản ứng dị ứng da.
 Có thể gây tổn thương các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc nhiều lần. (Mắt, Hệ hô hấp)
 Rất độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.
- Biện pháp phòng ngừa** : Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.
 Không được hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.
 Không nên mang quần áo lao động nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.
 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.
 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa bằng thật nhiều nước và xà phòng.
 Xin ý kiến của thầy thuốc/ sự chăm sóc y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.
 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da hoặc nổi mụn: Tìm kiếm sự chăm tư vấn/ chăm sóc y tế.
 Giặt sạch quần áo đã nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.
 Trong trường hợp cháy: Sử dụng cát, hóa chất khô hoặc bột chịu cồn để dập tắt.
 Thu hồi chất tràn đổ.
 Lưu giữ ở nơi thoáng khí tốt. Giữ mát.
 Tiêu hủy chất/ thùng chứa tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ CÁC PHỤ LIỆU**Tính chất hóa học** : Chất pha chế**Thành phần**

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ
Famoxadone	131807-57-3	28.3 %
Oxathiapiprolin	1003318-67-9	2.83 %
Dầu khoáng trắng	8042-47-5	10 - 15%
Silica bụi, không định hình	112945-52-5	1 - 5%
Các thành phần khác		48.87 - 57.87%

4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.

Thu giữ bao bì đựng sản phẩm hoặc nhãn hiệu khi các bạn gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ, hoặc đi đến cơ sở y tế.

Các biện pháp sơ cứu đối với các đường phơi nhiễm khác nhau

- Hít phải** : Di chuyển ra nơi có không khí trong lành. Hô hấp nhân tạo và/hoặc cho thở oxy có thể cần thiết. Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ để được hướng dẫn cách xử trí.
- Tiếp xúc với da** : Ngay lập tức cởi bỏ quần áo bị nhiễm. Xối rửa da ngay với thật nhiều nước trong 15-20 phút. Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ để được hướng dẫn cách xử trí.
- Tiếp xúc với mắt** : Rửa cẩn thận bằng nước trong một vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa. Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE

Phiên bản 2.0

Ngày chỉnh sửa 18.05.2016

Số hồ sơ 130000124577

Ăn uống	: Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ để được hướng dẫn cách xử trí. Cho nạn nhân uống một ly nước từng ngụm nếu còn có thể nuốt được. Không được gây nôn trừ phi đó là chỉ định của bác sĩ hoặc trung tâm chống độc. Không cho bất cứ thứ gì vào miệng nạn nhân hôn mê.
Các triệu chứng/ảnh hưởng quan trọng nhất, cấp tính và lâu dài	: Không có thông tin.
Bảo vệ người sơ cứu	: Không có thông tin.
Các ghi chú cho bác sĩ	: Điều trị theo triệu chứng.

5. CÁC BIỆN PHÁP CỨU HỎA

Các phương tiện cứu hỏa phù hợp	: Bụi nước., Hóa chất khô, Bọt, Carbon dioxide (CO ₂)
Các phương tiện chữa cháy không phù hợp	: Tia nước dung tích lớn, (nguy cơ ô nhiễm)
Các nguy cơ cụ thể	: Không có thông tin.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa	: Mặc quần áo bảo hộ đầy đủ và mặt nạ dưỡng khí.
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	: Không có thông tin.
Thông tin khác	: Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm. Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung. Các tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị ô nhiễm phải được thải loại phù hợp với các quy định địa phương. Tại các vụ đám cháy nhỏ. Nếu khu vực đã bị bắt lửa mạnh và các điều kiện cho phép, hãy để đám cháy tiếp tục bởi vì việc sử dụng nước có thể làm cho khu vực đó bị ô nhiễm thêm. Làm mát các bình/thùng chứa bằng bụi nước.

6. CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI PHÓ VỚI SỰ CỐ PHÁT THẢI

Sự phòng ngừa, các thiết bị bảo hộ cá nhân và quy trình ứng phó khẩn cấp	: Sơ tán người, thông gió triệt để khu vực, dùng thiết bị mặt nạ thở có bình dưỡng khí. Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
Phòng ngừa về mặt môi trường	: Ngăn ngừa hóa chất đổ vào cống rãnh, dòng nước hoặc các khu vực thấp.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	: Để thấm hút bằng mặt cưa, cát, hóa chất khô hút dầu hoặc vật liệu thấm hút hóa chất khác. Thải loại trong bồn chứa đã được phê duyệt. Nếu một lượng lớn chất lỏng bị tràn đổ, dọn sạch ngay bằng gàu múc hoặc máy hút.
Lời khuyên bổ sung khác	: Không bao giờ được đưa những chất bị tràn đổ trở lại những bình chứa cũ để tái sử dụng. Loại bỏ theo quy định của địa phương

DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE

Phiên bản 2.0

Ngày chỉnh sửa 18.05.2016

Số hồ sơ 130000124577

7. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ**Xử lý**

Biện pháp kỹ thuật/phòng ngừa : Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay sau khi thao tác với sản phẩm. Cởi và rửa quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.

Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn : Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy.

Lưu trữ

Điều kiện lưu trữ thích hợp : Không gây nhiễm bẩn nước, các thuốc trừ sâu khác, phân bón, thực phẩm hoặc thức ăn gia súc trong kho. Lưu giữ trong bình chứa ban đầu. Đóng kín và để tại nơi khô ráo, mát mẻ và thông gió tốt. Giữ thùng chứa đóng kín khi không sử dụng. Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn. Để xa tầm tay trẻ em.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/BẢO VỆ CÁ NHÂN**Các thông số kiểm soát**

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp hiện hành được liệt kê dưới đây.

Tên hóa học	Giá trị Phơi nhiễm Nghề nghiệp	Quy định
Dầu khoáng trắng		
TWA	5 mg/m ³ (Bụi phun mù.)	VN OEL (10 2002)
STEL	10 mg/m ³ (Bụi phun mù.)	VN OEL (10 2002)

Các biện pháp kỹ thuật : Đảm bảo có sự thông gió đầy đủ, đặc biệt tại những nơi kín.

Giới hạn phơi nhiễm sinh học nghề nghiệp : Không có thông tin.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hệ hô hấp : Khi có khả năng các nồng độ phơi nhiễm các chất lơ lửng trong không khí vượt quá các giới hạn hiện hành, mang trang bị bảo hộ đường hô hấp đã được phê duyệt có hộp lọc bụi/bụi sương mù.

Bảo vệ tay : Vật liệu: Găng tay bảo hộ

Bảo vệ mắt : Mang trang bị bảo hộ mắt để tránh tiếp xúc với chất này.

Bảo vệ da : Mang quần áo bảo hộ chẳng hạn như găng tay, tạp dề, ủng, hoặc áo bảo hộ liền quần, khi thích hợp.

Các biện pháp vệ sinh : Rửa tay kỹ với xà phòng và nước sau khi cầm nắm và trước khi ăn, uống, nhai kẹo cao su hoặc hút thuốc lá. Cởi bỏ quần áo/PPE ngay lập tức nếu hóa chất thấm vào phía bên trong. Rửa kỹ và mặc quần áo sạch. Cởi bỏ các trang bị bảo hộ cá nhân ngay sau khi cầm nắm sản phẩm này. Rửa sạch mặt ngoài găng tay trước khi tháo bỏ. Tắm rửa kỹ và thay quần áo sạch càng sớm càng tốt.

DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE

Phiên bản 2.0

Ngày chỉnh sửa 18.05.2016

Số hồ sơ 130000124577

Các biện pháp bảo hộ : Tuân theo các hướng dẫn của nhà sản xuất về vệ sinh/duy tu bảo dưỡng PPE. Nếu không có bất cứ hướng dẫn nào về chất tẩy rửa hiện có, thì dùng bột giặt và nước nóng. Để và giặt PPE riêng rẽ với các đồ giặt khác. Loại bỏ quần áo và các vật liệu thấm hút khác đã bị ướt sũng hoặc bị vấy bẩn nặng sản phẩm này. Không tái sử dụng. Sử dụng sản phẩm này theo hướng dẫn trên nhãn hàng.

9. CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC**Bề ngoài (trạng thái vật lý, dạng, màu sắc, ...)**

Trạng thái vật lý : lỏng
Hình thể : lỏng
Màu sắc : màu trắng nhạt

Mùi : không có gì

Ngưỡng mùi : không có dữ liệu

độ pH : chưa được xác định

Điểm nóng chảy/đông lạnh

Không có thông tin.

Điểm sôi ban đầu và khoảng sôi

Điểm sôi : > 100 °C

Điểm chớp cháy : 77 °C

Tỉ lệ bay hơi : chưa được xác định

Tính dễ cháy (rắn, khí) : Không có thông tin.

Giới hạn trên/dưới của tính dễ cháy hoặc dễ nổ

Ngưỡng nổ trên : chưa được xác định
Ngưỡng nổ dưới : chưa được xác định

Áp suất hơi : chưa được xác định

Mật độ hơi : Không có thông tin.

Mật độ

Trọng lượng riêng (Mật độ tương đối) : 1.05 - 1.12

Tính tan

Khả năng hòa tan của nước : có thể phân tán

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : không có dữ liệu

Nhiệt độ tự bốc cháy

Nhiệt độ tự bốc cháy : 422 °C
Nhiệt độ bốc cháy : chưa được xác định

DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE

Phiên bản 2.0

Ngày chỉnh sửa 18.05.2016

Số hồ sơ 130000124577

Nhiệt độ phân hủy : không có dữ liệu**Tính dính**

Tính nhớt, động lực học : không có dữ liệu

Tính nhớt, tính động : không có dữ liệu

Khối lượng phân tử : Không có thông tin.**10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ TÍNH PHẢN ỨNG****Tính phản ứng** : Không có thông tin.**Tính ổn định hóa học** : Bền ở nhiệt độ và các điều kiện bảo quản thông thường.**Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hại** : Phản ứng polymer hóa sẽ không xảy ra.**Các điều kiện cần tránh** : Không hề dễ dự đoán.**Các vật liệu cần tránh** : Không có vật liệu đặc biệt nào được đề cập tới.**Các sản phẩm phân hủy nguy hại** : Không có thông tin.**11. THÔNG TIN ĐỘC HỌC****Tính độc cấp****Đường miệng**

DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE : LD50/chuột: 5,000 mg/kg

Hít phải

DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE : LC50/4 h/chuột(bụi / hơi sương): > 5.0 mg/l

Về da

DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE : LD50/chuột: > 5,000 mg/kg

Kích ứng/ăn mòn daDuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE : Loài: Thỏ
Kết quả: Không gây kích ứng da
Tác động tối thiểu không đáp ứng ngưỡng phân loại.**Tổn thương mắt nghiêm trọng/làm rát tấy mắt**DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE : Loài: Thỏ
Kết quả: Không gây kích ứng mắt**Nhạy cảm với hô hấp hoặc da**DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE : Loài: Chuột lang
Kết quả: Có thể gây nhạy cảm do tiếp xúc với da.**Khả năng gây đột biến tế bào mầm**

DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE

Phiên bản 2.0

Ngày chỉnh sửa 18.05.2016

Số hồ sơ 130000124577

Famoxadone	:	Thử nghiệm trên động vật không cho thấy ảnh hưởng gây đột biến nào. Thử nghiệm cấy vi khuẩn không cho thấy tác dụng gây đột biến. Các thử nghiệm trên nuôi cấy tế bào động vật có vú cho thấy các tác động sinh đột biến.
Oxathiapiprolin	:	Các thử nghiệm trên vi khuẩn hoặc nuôi cấy tế bào động vật có vú không cho thấy ảnh hưởng gây đột biến nào. Thử nghiệm trên động vật không cho thấy ảnh hưởng gây đột biến nào.
Silica bụi, không định hình	:	Thử nghiệm trên động vật không cho thấy ảnh hưởng gây đột biến nào. Các thử nghiệm trên vi khuẩn hoặc nuôi cấy tế bào động vật có vú không cho thấy ảnh hưởng gây đột biến nào.
Tính gây ung thư		
Famoxadone	:	Không cho thấy các ảnh hưởng gây ung thư trong các thí nghiệm trên động vật. Không được phân loại là chất gây ung thư ở người.
Oxathiapiprolin	:	Thử nghiệm trên động vật không cho thấy ảnh hưởng gây ung thư nào.
Độc tính với sinh sản		
Famoxadone	:	Độc tính với sinh sản: Không có độc tính với sinh sản Thử nghiệm trên động vật cho thấy các tác động lên sinh sản ở nồng độ bằng hoặc trên nồng độ gây ra độc tính cho thể hệ bố mẹ. Tính gây quái thai: Thử nghiệm trên động vật cho thấy không có độc tính lên sự phát triển.
Oxathiapiprolin	:	Độc tính với sinh sản: Không có độc tính với sinh sản Hơi chậm mừng mủ được quan sát thấy ở chuột Tính gây quái thai: Thử nghiệm trên động vật cho thấy không có độc tính lên sự phát triển.
Silica bụi, không định hình	:	Tính gây quái thai: Thử nghiệm trên động vật cho thấy không có độc tính lên sự phát triển. Thông tin đưa ra được dựa vào các dữ liệu thu được từ các chất tương tự
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể		
Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm đơn lẻ		
Famoxadone	:	Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ.
Oxathiapiprolin	:	Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ.
Silica bụi, không định hình	:	Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ.
Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần		
Famoxadone	:	Các cơ quan đích: Mắt Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm nhiều lần, hạng 2.
Oxathiapiprolin	:	Chất hoặc chất độc không được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm nhiều lần.
Silica bụi, không định hình	:	Các con đường có thể gây phơi nhiễm: Hít phải

DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE

Phiên bản 2.0

Ngày chỉnh sửa 18.05.2016

Số hồ sơ 130000124577

Các cơ quan đích: Hệ hô hấp

Nguy cơ hô hấp

Famoxadone : Không có dạng độc tính hô hấp
 Silica bụi, không định hình : Không có dạng độc tính hô hấp

Khác

Famoxadone : Lượng độc lặp lại:
 Các tác dụng sau đây xảy ra ở nồng độ tiếp xúc vượt quá một cách đáng kể các nồng độ dự đoán theo các điều kiện sử dụng in trên bao bì.
 Đường miệng - thức ăn gia súc/chó
 Các cơ quan đích: Mắt
 Các ảnh hưởng lên mắt
 Đường miệng - thức ăn gia súc/chuột
 Giảm tăng trọng, Các thay đổi trọng lượng tạng, Tăng nồng độ enzyme gan trong huyết thanh, Ảnh hưởng lên gan, Phá hủy hồng cầu làm giảm bất thường số lượng hồng cầu (thiếu máu)
 Về da/chuột
 Tăng khối lượng gan, Tăng nồng độ enzyme gan trong huyết thanh

Oxathiapirolin : Lượng độc lặp lại:
 Đường miệng/chuột
 Không phát hiện các tác động độc tính đáng kể.
 Đường miệng/chó
 Không phát hiện các tác động độc tính đáng kể.
 Đường miệng/Chuột nhắt
 Không phát hiện các tác động độc tính đáng kể.

Silica bụi, không định hình : Lượng độc lặp lại:
 Hít phải/chuột 91 d bụi / hơi sương
 Các ảnh hưởng đến hô hấp, Thông tin đưa ra được dựa vào các dữ liệu thu được từ các chất tương tự

12. THÔNG TIN SINH THÁI HỌC**Các ảnh hưởng độc tính sinh thái**

Độc cấp tính và mãn tính đối với cá

DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE : LC50/96 h/Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng): 0.085 mg/l

Tính độc đối với thực vật thủy sinh

DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE : EbC50/96 h/Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục): 0.030 mg/l

Độc cấp tính đối với thủy sinh vật không xương sống.

DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE : EC50/48 h/Daphnia magna (Bọ nước): 0.185 mg/l

Độc mãn tính đối với cá

Famoxadone : NOEC/90 d/Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng): 0.0014 mg/l

Độc tính trường diễn cho động vật không xương sống thủy sinh

Oxathiapirolin : Thử nghiệm chảy/NOEC/32 d/Americamysis bahia (mysid shrimp):

DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE

Phiên bản 2.0

Ngày chỉnh sửa 18.05.2016

Số hồ sơ 130000124577

0.058 mg/l

Độ bền và khả năng phân hủy

Không có thông tin.

Tích lũy sinh học

Silica bụi, không định hình : Không tích lũy sinh học

Lưu động trong đất

Không có thông tin.

Các tác hại khác

Không có thông tin.

13. CÁC LƯU Ý VỀ TIÊU HỦY

Các phương pháp tiêu hủy chất thải : Tuân theo các quy định địa phương và quốc gia. Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng

Bao bì bị ô nhiễm : Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN**Việt Nam. Nghị định số 104/2009/NĐ-CP và Nghị định số 29/2005/ND-CP**

Số-UN : 3082
Tên chuyển hàng đúng quy tắc của UN : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S.
(Famoxadone, Oxathiapiprolin)
Nhóm nguy hại vận chuyển : 9
Nhóm đóng gói : III

IMDG

Số-UN : 3082
Tên chuyển hàng đúng quy tắc của UN : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S.
(Famoxadone, Oxathiapiprolin)
Nhóm nguy hại vận chuyển : 9
Nhóm đóng gói : III
Chất gây ô nhiễm biển : có (Famoxadone, Oxathiapiprolin)

IATA

Số-UN : 3082
Tên chuyển hàng đúng quy tắc của UN : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S.
(Famoxadone, Oxathiapiprolin)
Nhóm nguy hại vận chuyển : 9
Nhóm đóng gói : III

**DuPont™ Zorvec® Encantia® 330 SE**

Phiên bản 2.0

Ngày chỉnh sửa 18.05.2016

Số hồ sơ 130000124577

Người sử dụng nên nhận : không áp dụng được
biết hoặc cần phải tuân thủ
biện pháp phòng ngừa đặc
biệt trong kết nối với giao
thông vận tải hoặc vận
chuyển bên trong hoặc bên
ngoài cơ sở của họ

15. THÔNG TIN PHÁP LUẬT

Việt Nam. Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định của Bộ Y Tế số 3733/2002/QĐ-BYT) .
Việt Nam. Vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (Nghị định số 104/2009/NĐ-CP).
Việt Nam. Vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa (Nghị định số 29/2005/ND-CP).

Quy định tại các nước khác

Không có thông tin.

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC**Tài liệu tham khảo**

Số SDS: 130000124577

Ngày chỉnh sửa/Phiên bản

Ngày soạn thảo đầu tiên : 18.05.2016

Ngày chỉnh sửa : 18.05.2016

Phiên bản : 2.0

Chú ý các hướng dẫn sử dụng ghi trên nhãn.

™ Thương hiệu của E.I. du Pont de Nemours và Company.

® Thương hiệu đã đăng ký của E.I. du Pont de Nemours và Company

Thay đổi đáng kể với phiên bản trước được biểu thị bằng thanh đôi.

Thông tin cung cấp trong Bản Số liệu An toàn này là chính xác trong chừng mực cao nhất về kiến thức, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi vào ngày công bố . Thông tin đưa ra được thiết kế chỉ như là một bản hướng dẫn dễ bóc xếp, sử dụng, gia công, bảo quản, vận chuyển, thải loại và phóng thích an toàn và không được coi là một sự bảo đảm hoặc đặc tính thông số kỹ thuật chất lượng. Thông tin trên chỉ liên quan đến chất cụ thể được đề cập ở đây và không đúng cho trường hợp phối trộn với các chất khác hoặc trong bất kỳ quá trình chế biến nào hoặc nếu như vật liệu này được thay thế hoặc chế biến không theo chỉ dẫn trong tài liệu này.